

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Hướng dẫn du lịch
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 12/2025

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Đặng Hoài	An	CĐHD16N10	5.0	Năm không	
2	002	Lê Phát	Tài	CĐHD16N13	5.0	Năm không	
3	003	Lê Minh	Phát	CĐHD17N01	5.5	Năm năm	
4	004	Trần Ngọc Cẩm	Tuyền	CĐHD17N01	5.0	Năm không	
5	005	Hồ Võ Anh	Chương	CĐHD17N03	5.5	Năm năm	
6	006	Phạm Thị Thanh	Hà	CĐHD17N04	5.5	Năm năm	
7	007	Phan Thị Kiều	Hạnh	CĐHD17N04	5.5	Năm năm	
8	008	Hoàng Lê Anh	Quốc	CĐHD17N06	5.0	Năm không	
9	009	Trần Minh Ngọc	Hân	CĐHD17N08	5.0	Năm không	
10	010	Trần Thị Mỹ	Tâm	CĐHD17N08	5.0	Năm không	
11	011	Nguyễn Ngọc	Bá	CĐHD18N01	5.5	Năm năm	
12	012	H Nhin	Byă	CĐHD18N01	6.0	Sáu không	
13	013	Nguyễn Công Huỳnh	Khôi	CĐHD18N01	6.5	Sáu năm	
14	014	Nguyễn Bích	Ngọc	CĐHD18N01	7.0	Bảy không	
15	015	Ka Sia	Niê	CĐHD18N01	5.5	Năm năm	
16	016	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	CĐHD18N01	3.5	Ba năm	
17	017	Thạch Ngọc	Vinh	CĐHD18N01	4.0	Bốn không	
18	018	Trương Đức	Duy	CĐHD18N02	6.0	Sáu không	
19	019	Võ Nguyễn	Quân	CĐHD18N02	6.0	Sáu không	
20	020	Nguyễn Huy	Bảo	CĐHD18N03	4.0	Bốn không	
21	021	Lương Minh	Nhật	CĐHD18N03	7.0	Bảy không	
22	022	Tô Nguyễn Quang	Đại	CĐHD18N04	0.0	Không không	
23	023	Hồ Văn	Hào	CĐHD18N05	8.5	Tám năm	
24	024	Lâm Gia	Huy	CĐHD18N05	7.5	Bảy năm	
25	025	Trần Thanh	Phong	CĐHD18N05	6.0	Sáu không	
26	026	Nguyễn Thanh Bảo	Châu	CĐHD18N06	6.5	Sáu năm	

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	027	Nguyễn Thị Huyền	Trang	CĐHD18N06	4.0	Bốn không	
28	028	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	CĐHD18N06	6.0	Sáu không	
29	029	Lê Thị Ngọc	Vang	CĐHD18N06	5.0	Năm không	
30	030	Hồ Ngọc Thiên	Tứ	CĐHD18N07	7.5	Bảy năm	
31	031	Lê Quốc	An	CĐHD18N10	7.0	Bảy không	
32	032	Nguyễn Trần Bảo	Ngân	CĐHD18N10	3.5	Ba năm	
33	033	Nguyễn Thanh	Duy	CĐHD18N11	4.5	Bốn năm	
34	034	Võ Thị Cúc	Hoa	CĐHD18N11	6.0	Sáu không	
35	035	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CĐHD18N11	0.0	Không không	
36	036	Dương Bảo	Bình	CĐHD18N12	5.0	Năm không	
37	037	Trần Ý	Nhi	CĐHD18N12	6.0	Sáu không	
38	038	Huỳnh Thị Thanh Hồng	Trúc	CĐHD18N12	6.5	Sáu năm	
39	039	Nguyễn Thị Thu	Hà	CĐHD18N13	6.0	Sáu không	
40	040	Nguyễn Nhật	Minh	CĐHD18N13	5.0	Năm không	
41	041	Nguyễn Triệu Vương	Lan	CĐHD16N12	5.0	Năm không	
42	042	Phùng Thị Kiều	Diễm	CĐHD17N03	7.0	Bảy không	
43	043	Nông Thị Hương	Lan	CĐHD18N04	7.0	Bảy không	
44	044	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CĐHD18N05	6.5	Sáu năm	
45	045	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CĐHD18N05	6.0	Sáu không	
46	046	Hồ Đình	Văn	CĐHD18N08	4.0	Bốn không	